

Bản án: 16/2020/HC-PT

Ngày: 13/3/2020.

V/v khiếu kiện: “Hành vi
hành chính về lĩnh vực đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các thẩm phán: Bà Lê Thu Hương;

Bà Lê Thị Hiệu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2020/HCPT ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc khởi kiện: “Hành vi hành chính về lĩnh vực đất đai” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2020 của TAND tỉnh Thanh Hóa:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị T, 1955;

Ông Trần Văn C, 1949.

Địa chỉ: Thôn S, xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn L, 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Tiểu khu Bắc Giang, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân P - Chủ tịch UBND xã Ch (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Văn T - Nguyên Chủ tịch UBND xã Ch (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Ty Thôn, xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Ông Lê Văn B - Nguyên cán bộ địa chính xã Ch (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Mau Giáp, xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Ông Ngô Trọng T - Nguyên Trưởng thôn S, xã Ch (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn S, xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Ông PPhùng Xuân H Xuân H và bà Nguyễn Thị H (có mặt) .

Địa chỉ: Thôn S, xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

4. Người làm chứng có mặt: Ông Lê Huy N, ông Nguyễn Văn H.

Địa chỉ: Thôn S, xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN THẤY

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2019 của bà Lê Thị T và quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà T trình bày:*

Ngày 06/02/1990, gia đình ông C, bà T có mua của bà Lê Thị N thửa đất kè, khi mua hai bên viết giấy tay và có 07 người làm chứng ký vào giấy, hiện nay thuộc thửa đất số 814, tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính xã Ch.

Ngày 25/4/2018, giữa gia đình ông C, bà T và gia đình Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H phát sinh tranh chấp thửa đất nêu trên, đến ngày 29/5/2018 ông Công, bà T mới biết trong “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” ngày 14/11/2001 của gia đình mình đã bị gạch và viết thêm vào “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” cùng ngày của ông Phùng Xuân H, bà Hà.

Giữa hai gia đình không có giấy tờ gì về việc chuyển dịch đất mà do ông Ngô Trọng T (Thôn trưởng) tự ý gạch bỏ, sau đó chuyển cho ông Lê Văn B (cán bộ địa chính) xem xét. Do ông Ban không kiểm tra kỹ nên đã chuyển cho ông Lê Văn T (Chủ tịch UBND xã) lúc bấy giờ ký đóng dấu. Việc làm này của cán bộ thôn và cán bộ xã là không đúng.

Vì vậy, ông C, bà T khởi kiện yêu cầu TAND huyện N hủy nội dung gạch bỏ và viết thêm trong hai “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” ngày 14/11/2001 của gia đình ông C, bà T và gia đình ông PPhùng Xuân H Xuân H, bà Nguyễn Thị H do Chủ tịch UBND xã Ch ký (hủy dòng thứ 6 từ trên xuống trong phần “Các loại đất, diện tích sử dụng như sau” của hai Biên bản).

**Tại văn bản số 41/UBND ngày 13 tháng 8 năm 2019, Chủ tịch UBND xã Ch trình bày:*

Theo bản đồ 299 thửa đất này do ông Ngô Văn B thôn S đứng tên, ngày 03/8/2018, UBND xã Ch đã làm việc với ông Ngô Văn B và được ông B cho biết:

Thửa đất này trước đây nằm trong thửa đất cây lâu năm (cây kè) được giao cho các hộ: Ngô Văn B 06 hàng, mỗi hàng 06 cây; Trần Huy A 02 hàng 12 cây; Lê Văn Th (chồng bà Lê Thị N) và Lê Đại X mỗi nhà 02 hàng kè. Năm 1990 ông B bán 06 hàng kè cho bà Nguyễn Thị C, sau này gia đình ông C, bà T mua lại của hộ ông B, bà C. Từ khi ông Lê Đại X đi xây dựng kinh tế mới ở PR thì số kè thuộc thửa số 814 và thửa số 850 đều do bà Lê Thị N quản lý, sau này bà Nhân bán 04 hàng kè cho gia đình ông Công, bà T và gia đình ông PPhùng Xuân H Xuân H, bà Nguyễn Thị H

để nắn lại ngõ chung của hai gia đình. Việc bà T và bà Nguyễn Thị H chung mua thửa đất số 814 và thửa số 850 thì không có tài liệu nào chứng minh.

Năm 2001, Nhà nước có chủ trương đo đạc bản đồ địa chính tại xã Ch, theo Tờ khai của bà T có kê khai thửa đất số 814, diện tích 99m², nhưng sau đó bị gạch và ghi sang bên cạnh là “chuyển sang hộ bà Nguyễn Thị H”. Tại tờ khai của gia đình bà Nguyễn Thị H có ghi thửa 814, diện tích 99m² được ghi “chuyển từ hộ bà T sang”. Việc chuyển thửa đất này được ông Ngọ Trọng T (Trưởng thôn S) thừa nhận là người trực tiếp thực hiện khi có yêu cầu của hai gia đình bà T và bà Nguyễn Thị H, nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh là sai về thủ tục. Tờ khai được chuyển cho địa chính xã niêm yết làm cơ sở lập sổ địa chính được lưu tại ba cấp xã, huyện, tỉnh và hiện nay UBND xã vẫn coi đây là căn cứ để bảo vệ quyền sử dụng đất của gia đình bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 814.

Khoảng năm 2017 - 2018 gia đình bà T và gia đình bà Nguyễn Thị H xảy ra tranh chấp, UBND xã và thôn đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, sau đó bà T làm đơn gửi đến Công an huyện N (đã có Kết luận điều tra) và Thanh tra huyện N (đã có văn bản giải quyết đơn khiếu nại của bà T) .

** Tại Bản tự khai ngày 09/8/2019 và quá trình giải quyết, ông PPhùng Xuân H Xuân H và bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Năm 1990 gia đình ông PPhùng Xuân H Xuân H, bà Nguyễn Thị H và gia đình ông C, bà T có mua chung ao kê của bà Lê Thị N với giá 400.000đ. Do điều kiện kinh tế của gia đình ông C lúc bấy giờ khó khăn nên ông C bỏ ra 100.000đ, gia đình ông PPhùng Xuân H Xuân H bỏ ra 300.000đ. Ông Phùng Xuân H công tác xa nhà nên ủy quyền cho ông C ở nhà làm giấy tờ. Sau này về ông có hỏi giấy tờ mua bán thì ông C bảo không có, vì chỉ mua bán cây. Ông nghĩ cũng đúng vì trong cái cách ruộng đất việc chia quả thực chỉ là chia cây, chia con, nhà thì chia theo gian mà không chia đất. Từ đó ao kê này vẫn sử dụng chung, mỗi năm mỗi gia đình thu hoạch lá một lần và chưa phân chia ranh giới cụ thể. Năm 2001 đoàn đo đạc bản đồ địa chính đến đo ao kê này, bà T là người chỉ mốc giới cho hai thửa đất. Sau khi đo xong thì đoàn đo đạc gửi cho mỗi gia đình một biên bản để kiểm tra xem xét số liệu. Sau khi kiểm tra số liệu, không có ai thắc mắc gì nên ký vào biên bản. Như vậy, mỗi gia đình lúc này đã được phân chia cụ thể và ký nhận phần đất của mình được giao theo hồ sơ : Thửa số 814, diện tích 99m² thuộc tờ bản đồ số 7 là của gia đình ông do bà Nguyễn Thị H đứng tên được ba cấp quản lý từ đó đến giờ.

Việc gạch bỏ và điều chỉnh vào Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính ngày 14/11/2001 là do hai gia đình thỏa thuận miệng mà không làm biên bản là sai.

** Tại Giấy báo cáo ngày 15/8/2019, ông Lê Văn T trình bày:*

Năm 2001 - 2001 thực hiện chủ trương của Chính phủ và của tỉnh đo lại toàn bộ đất thổ cư của các hộ nhân dân trong xã, UBND xã Ch đã thành lập Tiểu ban của các Thôn cùng với Đoàn đo đạc của tỉnh đến từng hộ để đo đạc chính xác diện tích, mốc giới của từng hộ, sau đó chủ hộ ký và được tập hợp lưu trữ tại xã trong thời gian 06 tháng và thông báo cho toàn thể nhân dân, hộ nào sai sót lên gặp Ban chỉ đạo để

điều chỉnh diện tích của gia đình mình. Sau khi về hưu ông mới nghe nói về việc Trưởng thôn (ông Ngô Trọng T) tự gạch bỏ chuyển diện tích đất trong “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” của hộ ông Công, bà T sang hộ ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H. Theo ông Trưởng thôn không có thẩm quyền sửa bản mục kê và khi sửa không thông qua cho hai hộ biết là sai. Đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu và ý kiến của các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại Giấy báo cáo ngày 20/6/2019, ông Lê Văn B trình bày:*

Bản thân ông là cán bộ địa chính, là Phó ban đo đạc địa chính trên địa bàn toàn xã, có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn cho các thôn thực hiện theo kế hoạch và tiếp nhận hồ sơ đo đạc ở các thôn. Khi tiến Nguyễn Thị Hnh đo đạc đến thôn nào thì cán bộ đo đạc của Sở tài nguyên cùng cán bộ chỉ đạo của xã và Tiểu ban ở thôn đến thực địa cùng với các hộ xác định ranh giới, diện tích, tên chủ sử dụng và các thông tin khác có liên quan đến thửa đất. Sau khi đo đạc xong, Tiểu ban đo đạc ở các thôn tiến hành tổng hợp số liệu, niêm yết công khai, lập Biên bản bàn giao đất cho các hộ ký và chuyển về Ủy ban xã để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với thửa số 814, tờ bản đồ số 7, diện tích 99 m² là đất trồng cây lâu năm, sau khi lập Biên bản và niêm yết công khai, hộ bà T và hộ bà Nguyễn Thị H đã ký Biên bản không ai có ý kiến thắc mắc gì (Có Biên bản lưu ở xã). Việc gạch thửa số 814, diện tích 99m² của hộ bà T chuyển sang hộ bà Nguyễn Thị H là do Tiểu ban đo đạc của thôn S thực hiện trước khi Biên bản được chuyển lên xã.

Từ khi triển khai đo đạc đến khi tiếp nhận hồ sơ của thôn S thì gia đình bà T và gia đình bà Nguyễn Thị H không có khiếu nại, thắc mắc gì, mãi đến cuối năm 2016 mới xảy ra tranh chấp. Khi được UBND xã hỏi thì bà T mới xuất trình Giấy mua bán bãi kê viết tay với gia đình bà Lê Thị N (Trước đó bà T không trình giấy mua bán này), thửa đất này bà N cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền giao quyền quản lý sử dụng. Đối với gia đình bà Nguyễn Thị H có nhiều chi tiết chứng minh thửa đất đó thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị H (nhưng không có giấy tờ gì) nên Ủy ban xã chưa có cơ sở để giải quyết dứt điểm vụ việc.

**Tại Giấy báo cáo ngày 19/6/2019, ông Ngô Trọng T trình bày:*

Thời điểm đo đạc ông là Trưởng thôn S được điều động tham gia với Đoàn đo đạc để chỉ dẫn và giúp vào Biên bản của từng hộ, từng thửa.

Khi đến khu đất nhà bà T và nhà bà Nguyễn Thị H, lúc đầu Đoàn xác định toàn bộ là của bà T nên có ghi vào Sổ, sau đó hai gia đình có sự thỏa thuận nên Đoàn kiểm tra đã sửa chuyển thửa số 814, diện tích 99m² sang hộ bà Nguyễn Thị H. Việc chỉnh sửa do bà T trực tiếp chỉ mốc giới nên Đoàn kiểm tra mới có căn cứ đo đạc, bản thân ông có quan hệ bình đẳng không thiên vị bên nào, ông không tùy tiện tách mảnh đất nhà bà T thành hai mảnh. Sau khi chỉnh sửa và vào Sổ địa bạ được các cấp quản lý từ năm 2001 đến năm 2018 không xảy ra tranh chấp. Năm 2002 UBND xã ủy nhiệm thôn thu thuế sử dụng đất nông nghiệp của hộ bà Nguyễn Thị H trên thửa số 814 cũng không xảy ra khiếu kiện, kể cả khi gia đình bà T làm trích lục cho con trai là Trần Văn Bình tại thửa 850 bà cũng không có ý kiến gì.

Sơ dĩ việc chỉnh sửa mà không có chữ ký xác nhận của hộ bà T là do thực tế chung lúc bấy giờ giống như các hộ trong thôn, nhưng đã tồn tại suốt 20 năm không có tranh chấp, do đó ông khẳng định việc làm của ông là hoàn toàn trung thực, khách quan.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N đã Quyết định:

Áp dụng: Điều 105; điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị T và ông Trần Văn C.

- Hủy bỏ toàn bộ phần gạch và viết thêm tại dòng kẻ thứ 6 từ trên xuống trong phần “Các loại đất, diện tích sử dụng đất như sau” tại Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính lập ngày 14/11/2001 của UBND xã Ch, huyện N, đối với gia đình ông Trần Văn C, bà Lê Thị T, địa chỉ thôn S, xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy bỏ toàn bộ phần viết thêm tại dòng kẻ thứ 6 từ trên xuống trong phần “Các loại đất, diện tích sử dụng đất như sau” tại Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính lập ngày 14/11/2001 của UBND xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đối với gia đình ông PPhùng Xuân H Văn Phùng Xuân H và bà Nguyễn Thị H, địa chỉ thôn S, xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Giao cho UBND xã Ch, huyện N khôi phục lại tình trạng ban đầu của hai Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính lập cùng ngày 14/11/2001 của UBND xã Ch đối với gia đình ông Trần Văn C, bà Lê Thị T và gia đình ông PPhùng Xuân H Văn Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H, địa chỉ thôn S, xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Gia đình ông Công, bà T và gia đình ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với UBND xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và giành quyền kháng cáo.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông PPhùng Xuân H Xuân H và bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung:

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử bác đơn của bà Lê Thị T và ông Trần Văn C.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân(VKSND) tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 01/QĐ-VKS-HC kháng nghị bản án sơ thẩm với các nội dung:

- Năm 1990, việc gia đình ông C cùng gia đình ông Phùng Xuân H mua chung ao kê với gia đình bà H tuy không có giấy tờ, không có người làm chứng, tuy nhiên giao dịch dân sự đã có hiệu lực bằng việc hai gia đình cùng nhau sử dụng, mỗi nhà thu hoạch lá kê 01 năm. Năm 2001 xã Ch đo đạc Bản đồ địa chính đã được bà T đại diện hai gia đình chỉ mốc giới để đoàn đo đạc tách thửa. Sau ngày 14/11/2001, hồ sơ địa chính đã được lưu ba cấp: Thửa số 850, diện tích 121m² của bà T, ông C; thửa 814, diện tích 99m² của ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H. Năm 2017 gia đình bà

T đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 850 cho con trai là Trần Văn Bình, do đó bà T, ông C không có quyền khởi kiện đối với thửa đất của ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H;

- Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính lập ngày 14/11/2001, sau đó đã được UBND xã Ch lên danh sách và niêm yết công khai, minh bạch trong thời gian 06 tháng, gia đình ông C, bà T đã biết và không có khiếu nại, thắc mắc gì, do đó thời hiệu khởi kiện của ông C, bà T không còn;

- Bản án sơ thẩm tuyên “Giao cho UBND xã Ch, huyện N khôi phục lại tình trạng ban đầu của hai biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính lập cùng ngày 14/11/2001 của UBND xã Ch đối với gia đình ông Trần Văn C, bà Lê Thị T và gia đình ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H, địa chỉ thôn S, xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa” là chung chung, không rõ ràng, không thi hành được.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên - VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa rút một phần kháng nghị về nội dung ông C, bà T không có quyền khởi kiện.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm khoản 4 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính (TTHC), hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

XÉT THẤY

[1] Về đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2019, ông C, bà T yêu cầu TAND huyện N hủy một phần “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” của hộ ông C, bà T và một phần “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” của hộ ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H do UBND xã Ch lập ngày 14/11/2001, lý do yêu cầu hủy là do trong Biên bản của hộ ông Công, bà T, tại phần “Các loại đất, diện tích sử dụng như sau”, tại dòng thứ 06 từ trên xuống các cột, mục đã thể hiện: Tờ bản đồ 07, thửa: 814, diện tích” 99m², Loại đất: CLN, nhưng cột ghi chú lại ghi: “Chuyển ghi chị Nguyễn Thị H” (BL02); đồng thời trong Biên bản của hộ bà Nguyễn Thị H, dòng thứ 06 từ trên xuống thể hiện: Tờ bản đồ 07, thửa 814, diện tích 99m², Loại đất: CLN, tại cột ghi chú có ghi: “A C chuyển lại” (BL01c).

Từ năm 2000 đến năm 2001, việc UBND Ch tiến hành đo đạc diện tích tại các thửa đất của các hộ dân trên địa bàn toàn xã nhằm phục vụ cho việc thiết lập bản đồ địa chính theo chủ trương của nhà nước, đây là hành vi hành chính về quản lý đất đai, có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của các hộ, trong đó có hộ ông C, bà T và

hộ ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H nên ông C, bà T có quyền khởi kiện và được TAND huyện N thụ lý, giải quyết là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền (khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 31 Luật TTHC).

Sau khi xét xử sơ thẩm, hộ ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H kháng cáo; VKSND tỉnh Thanh Hóa kháng nghị trong thời hạn quy định của Luật TTHC nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về nội dung “ông C, bà T không có quyền khởi kiện”, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ giải quyết một phần kháng nghị (khoản 4 Điều 233 Luật TTHC).

[2] Xem xét về thời hiệu khởi kiện, thấy rằng:

Tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật TTHC quy định thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định hành chính, hành vi Nguyễn Thị Hnh chính là: “01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định hành chính, hành vi hành chính”.

Theo tài liệu có trong hồ sơ thì “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” của hộ ông C, bà T và hộ ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H được UBND xã Ch lập ngày 14/11/2001, tại mục chủ hộ có chữ ký của bà Lê Thị T và bà Nguyễn Thị H.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, UBND xã Ch bao gồm Chủ tịch UBND, cán bộ địa chính (kể cả cũ và mới) và Trưởng thôn S đều khẳng định sau khi lập “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” của các hộ đều được niêm yết tại nhà văn hóa thôn một thời gian, sau đó mới tập hợp về UBND xã và tiếp tục được niêm yết tại Trụ sở UBND xã trong 06 tháng, được thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của xã để các hộ nếu ai có thắc mắc thì gặp Ban chỉ đạo để chỉnh sửa, sau đó mới vào Sổ địa chính và trình cấp có thẩm quyền lập bản đồ địa chính hiện nay được lưu ba cấp.

Tuy nhiên, sau khi đo đạc, UBND xã Ch không tổng hợp kết quả đo đạc thành danh sách, đồng thời khi niêm yết “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” của các hộ không lập “Biên bản niêm yết” theo quy định nên không đủ cơ sở chứng minh và không được người khởi kiện thừa nhận. Hộ ông C, bà T cho rằng sau khi xảy ra tranh chấp, ngày 29/5/2018 ông bà mới biết trong Biên bản của gia đình mình bị gạch bỏ một phần (thửa 814) và được ghi sang hộ ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H, ngày 20/5/2019 ông Công, bà T nộp đơn khởi kiện, do đó xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn và cần được xem xét để đảm bảo quyền tố tụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh Hóa đề nghị hủy bản án sơ thẩm và Đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Theo cung cấp của UBND xã Ch và các tài liệu có trong hồ sơ thì thửa số 814 và thửa số 850, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính năm 2001 (trong đó thửa 814 hai hộ đang tranh chấp) thuộc một phần thửa số 270, diện tích 468m², tờ bản đồ 04, bản đồ 299 năm 1987, sổ mục kê ghi tên Ngô Văn B (BL68,101). Nguồn gốc đất tại khu vực này là ao kê, trong cải cách ruộng đất đã được nhà nước chia “quả thực” cho dân (chia cây kê), phần diện tích tại vị trí thửa 814 và thửa 850 (khoảng 200m²) đã

được chia cho hộ bà Lê Thị N và hộ ông Lê Đại Xuân (hai anh em), sau khi ông Lê Đại Xuân đi vùng kinh tế mới bà N quản lý, sử dụng.

[3.2] Theo ông Lê Văn L (người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà T) thì năm 1990 bà Lê Thị N đã nhượng lại toàn bộ ao kê nói trên cho ông C, bà T (có Giấy nhượng đất viết tay đề ngày 06/2/1990) có chữ ký bà N và các con là: Lê Văn L, Lê Văn D, Lê Đại T, người làm chứng Lê Thị D và Trưởng thôn Lê Hồng T (BL324). Tuy nhiên “Giấy nhượng đất” nêu trên không có xác nhận của Chính quyền địa phương và không có cơ sở xác định được lập từ năm 1990 bởi lẽ: Tại “Giấy báo cáo” đề ngày 18/2/2019 của anh Trần Anh D (con bà N) gửi Công an xã Ch thì diện tích của hai nhà kê mà bà N bán cho bà T khoảng 40 - 50m² và năm 2016 bà T mới đưa tờ giấy trước đây cho anh xác nhận (BL307); theo anh Lê Đại Thanh (con bà N) thì diện tích bà N bán cho bà T khoảng 50-55m² và sau khi mẹ anh mất khoảng 3- 4 năm (bà Nguyễn Thị Hn mất tháng 9/2009) thì bà T mới mang giấy mua bán đến đề nghị anh em anh xác nhận để làm trích lục (BL303). Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đều do ông Lương xuất trình tại cấp phúc thẩm và bản thân ông cũng xác nhận “Giấy nhượng đất” do bà T viết và ký thay bà Nguyễn Thị Hn.

[3.3] Theo ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H thì ao kê của bà N được hai gia đình mua chung từ năm 1990, khi mua không có giấy tờ, sau khi mua hai gia đình sử dụng chung, mỗi năm mỗi nhà thu hoạch lá 01 lần. Việc ông Phùng Xuân H trình bày hai gia đình mua chung tuy không có giấy tờ, nhưng việc sử dụng chung ao kê này được nhiều người cùng thôn, xóm (ông Ngô Văn B, ông Lê Huy N, ông Lê Viết N, bà Đinh Thị T, bà Lê Thị V, bà Lê Thị K, Phùng Xuân H) và được Trưởng thôn S (ông Ngô Trọng T) xác nhận, làm chứng (BL351,353).

[3.4] Như vậy kể từ năm 1990 đến thời điểm UBND xã Ch tiến hành đo đạc (14/11/2011) thì cả hai gia đình vẫn đang sử dụng chung ao kê này, tại thời điểm đo đạc nếu không có ai yêu cầu thì Đoàn đo đạc cũng không có căn cứ để tách ao kê của hộ bà T thành hai thửa. Như vậy, việc ông Ngô Trọng T trình bày bà T là người trực tiếp chỉ mốc giới cho Đoàn đo đạc là có cơ sở. Theo đó, việc ghi cả hai thửa 814 và 850 vào “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” của hộ ông Công, bà T là không chính xác. Sau khi có sự thống nhất của hai gia đình thì ông T là người được phân công nhiệm vụ ghi chép đã gạch bỏ điều chỉnh chuyển thửa 814, diện tích 99m² từ hộ bà ông C, bà T sang hộ ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H là đúng với bản chất sự việc và phù hợp với thực tế sử dụng đất của hai bên.

Tuy nhiên việc điều chỉnh, sửa chữa trong “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” không được hai hộ ký xác nhận vào cột “ghi chú” là thiếu sót và là tình trạng chung khi thực hiện đo đạc tại Thôn S lúc bấy giờ (theo báo cáo của Ủy ban xã tại phiên tòa tổng số đo đạc 174 hộ thì có đến 130 hộ phải chỉnh sửa). UBND xã Ch khi tiếp nhận Biên bản đo đạc đã có nội dung sửa chữa, nhưng không yêu cầu các thành viên đo đạc và hai hộ gia đình lập lại Biên bản là thiếu sót. Nội dung này UBND xã Ch cần rút kinh nghiệm.

[3.5] Sau khi tách thửa, diện tích của từng hộ đã được ghi vào Sổ địa chính và Bản đồ địa chính đã được thiết lập lưu ba cấp (BL101-108). Đến năm 2011 gia đình ông C, bà T đã tiến hành san lấp làm nhà cho con trai là Trần Văn B trên thửa số 850 với diện tích 121m², năm 2017 anh B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL144); đồng thời gia đình ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H cũng tiến hành thuê người chặt 04 cây kê để bán và đổ đất trồng cây trên thửa 814 với diện tích 99m², sự việc được ông Lê Viết Nam (người chặt kê), ông Nguyễn Văn H (người đổ đất) xác nhận (BL66,351,352). Cho đến tháng 4/2018 hai bên mới xảy ra tranh chấp, việc gia đình bà T chặt phá cây của gia đình bà Nguyễn Thị H đã được Công an xã Ch lập “Biên bản bồi thường”, được UBND xã Ch hòa giải không thành (BL71,72).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà T cho rằng từ năm 1990 việc hai gia đình cùng khai thác lá kê là do ông Phùng Xuân H xin, và sau khi tách thửa, việc ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H được chặt kê để bán và đổ đất trồng cây trên thửa 814 là do hoàn cảnh khó khăn nên được ông Công, bà T tạo điều kiện giúp đỡ. Tuy nhiên lý do nêu trên không thuyết phục và mâu thuẫn, vì bản thân ông Lương cũng trình bày gia đình ông Công, bà T do khó khăn nên mới chỉ đổ được một phần đất để làm nhà cho con.

[4] Từ những phân tích nêu trên thấy rằng, năm 2001 khi thực hiện nhiệm vụ đo đạc địa chính tại thửa đất hộ ông C, bà T và hộ ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H đang sử dụng thuộc thôn S, làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền thiết lập bản đồ địa chính, UBND xã Ch đã thực hiện việc đo đạc và sửa chữa, điều chỉnh thửa 814, tờ bản đồ số 7 trong “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” của hai hộ là hoàn toàn có căn cứ và khách quan. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ và chưa xem xét quá trình sử dụng đất của hai bên mà chỉ cho rằng Nguyễn Thị Hnh vi của UBND xã Ch gạch, viết thêm vào hai Biên bản là không hợp pháp và chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là chưa đủ cơ sở. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND xã Ch khôi phục lại tình trạng ban đầu của hai Biên bản là không đúng với bản chất sự việc và không phù hợp với thực tế sử dụng đất của các bên. Tại cấp phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H và một phần kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh Hóa, sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông C, bà T.

[5] Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính và Bản đồ địa chính không phải là một trong các loại giấy tờ theo Điều 100 Luật đất 2013. Sau khi bản án hành chính có hiệu lực, để đảm bảo quyền lợi, hộ ông C, bà T và hộ ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H vẫn có quyền khởi kiện vụ án dân sự để được giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất nếu có căn cứ chứng minh.

[6] Về án phí: Ông Công, bà T bị bác đơn khởi kiện nên phải chịu án phí Nguyễn Thị Hnh chính sơ thẩm; ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H được chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm nên không phải chịu án phí Nguyễn Thị Hnh chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 4 Điều 233; điểm b khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Nguyễn Thị Hnh chính.

1, Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa về nội dung: Bà Lê Thị T, ông Trần Văn C không có quyền khởi kiện.

2.Chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Xuân H, bà Nguyễn Thị H và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, sửa bản án sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 14/11/ 2019 của Tòa án nhân dân huyện N:

Bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị T, ông Trần Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy toàn bộ phần gạch và viết thêm tại dòng kẻ thứ 6 từ trên xuống trong phần “Các loại đất, diện tích sử dụng đất như sau” tại “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” lập ngày 14/11/2001 của UBND xã Ch, huyện N, đối với gia đình ông Trần Văn C, bà Lê Thị T, địa chỉ thôn S, xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy toàn bộ phần viết thêm tại dòng kẻ thứ 6 từ trên xuống trong phần “Các loại đất, diện tích sử dụng đất như sau” tại “Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính” lập ngày 14/11/2001 của UBND xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đối với gia đình ông Phùng Xuân H và bà Nguyễn Thị H, địa chỉ thôn S, xã Ch, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3.Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 32; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Bà Lê Thị T, ông Trần Văn C phải nộp 300.000đ án phí Nguyễn Thị Hnh chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ do ông Lê Văn L nộp thay theo Biên lai số AA/2017/0001963 ngày 11/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự huyện N.

Ông PPhùng Xuân H , bà Nguyễn Thị H không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Án xử công khai, phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà nội;
- VKSND Tỉnh T.Hóa;
- UBND huyện N;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh

